

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-4-2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Tâm
2. Ông Trần Quang Thái

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã VK, huyện Ths, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã VK, huyện Ths, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Chị và anh P do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P không chung thủy, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên nhủ và cho cơ hội để sửa đổi nhưng anh P không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng lúc càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu ly hôn anh P.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phương D, sinh ngày 10/9/2007. Hiện nay cháu D đang sống cùng chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước đây anh thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng sau đó đã cắt đứt quan hệ, hiện nay không còn qua lại nữa, vợ chồng hiện nay cũng không mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P; yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Phương D và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về phía bị đơn là anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh P vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng. Giao cháu Nguyễn Phương D cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh P không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh

Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú tại ấp VT, xã VK, huyện Ths, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là anh Nguyễn Văn P, nhưng anh P vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét việc tranh chấp*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do anh P không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác và không chăm lo cho gia đình. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng lúc càng trầm trọng và đã sống ly thân cách đây khoảng một năm. Trong thời gian không chung sống, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng chị T cương quyết ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn hiệu quả cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng.

Tuy nhiên, mặc dù chị T yêu cầu ly hôn với anh P, nhưng thấy rằng chị T và anh P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

Và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.”*

Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh P không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P không được chấp nhận mà cần không công nhận chị T và anh P là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh P trình bày cả hai có một con chung tên Nguyễn Phương D, sinh ngày 10/9/2007. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu D, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Tòa án cũng đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu D thể hiện cháu muốn sống với mẹ là chị T nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con nên cần giao cháu Nguyễn Phương D cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị T và anh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

#### **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Phương D, sinh ngày 10/9/2007 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn P và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008813 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, chị Nguyễn Thị T không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Mỹ Linh**